

Số: 94/2026/QĐST-HNGĐ

LĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2026/TLHNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: bà VTL, sinh năm: 1980; địa chỉ: tổ 42, thôn HH, xã NG, tỉnh LĐ;

- *Bị đơn*: ông VCT, sinh năm: 1978; địa chỉ tổ 42, thôn HH, xã NG, tỉnh LĐ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà VTL và ông VCT.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thoả thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà VTL và ông VCT.

2.2. Về con chung: bà VTL và ông VCT thoả thuận giao cho bà VTL trực tiếp nuôi dưỡng các con chung: VCTBN, sinh ngày: 24/11/2015; VCBT, sinh ngày: 29/11/2013; VCBN, sinh ngày: 14/01/2012; VCTA, sinh ngày: 29/10/2008. Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà VTL không yêu cầu ông VCT cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: bà VTL và ông VCT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: bà VTL nhận chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004133 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh LĐ; hoàn trả cho bà VTL 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 76 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND Khu vực 2 – LĐ;
- THADS tỉnh LĐ;
- Đương sự;
- UBND xã NG, huyện Đức Trọng, tỉnh LĐ (nay là xã NG, tỉnh LĐ) đăng ký kết hôn số 112 ngày 19/11/2018);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thanh Vũ**



